TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 344/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 9 - 2018
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn và nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Chủ tọa phiên toà: Ông **Bùi Văn Chiến** - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Sức**

2. Ông **Trần Minh Nhật**

***- Thư ký phiên toà*:** Ông **Phạm Minh Cảnh** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hữu Đức** - Kiểm sát viên**.**

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Số 285, ấp Mỹ H 3, xã Tân H, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Ngọc B**, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Số 156, ấp Phú L, xã Phú A, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Anh Đ có mặt, chị B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Hôn nhân giữa anh và chị Nguyễn Thị Ngọc Btự tìm hiểu và tự nguyện sống chung vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hòa. Sau khi kết hôn anh chị sống chung với gia đình anh Đ, vợ chồng sống hạnh phúc gần 03 năm thì phát sinh mâu thuẩn thường xuyên cải vả nhau, chị B sống

không chung thủy, anh chị đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Nay anh Đ yêu cầu xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc B.

+ Về con chung: Có 01 đứa con chung tên Nguyễn Thị Thúy Nh, sinh ngày 24/3/2003, khi ly hôn anh Đ đồng ý giao con cho chị B được tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ phải thu, phải trả: không có

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc B: Đã được tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng và được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật, Tuy nhiên chị B vắng mặt từ khi được thông báo các văn bản tố tụng, nhưng chị không có mặt là chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

- Về nội dung: Hôn nhân của anh Đ và chị B được xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu, tự nguyện chung sống vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hòa, Sau khi kết hôn anh chị sống chung với gia đình anh Đ, vợ chồng sống hạnh phúc gần 03 năm thì phát sinh mâu thuẩn thường xuyên cải vả nhau, chị B sống không chung thủy, anh chị đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. nên anh Đ yêu cầu về hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề xuất nội dung giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị B đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ 2 để nghe xét xử, nhưng chị vẫn vắng mặt, và việc vắng mặt không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, nên HĐXX xét xử vắng mặt chị B theo Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự để đảm bảo quyền lợi cho các bên và hiện nay chị B đăng ký hộ khẩu thường trú tại: ấp Phú L, xã Phú A, huyện Phú T, tỉnh An Giang. Nên anh Đ khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú

Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung: Xét chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, hôn nhân của anh, chị được xác lập năm 2000 trên cơ sở tự tìm hiểu, tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ khi có mâu thuẫn xảy ra, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do chị B sống không chung thủy, bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, dẫn đến xung đột giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng và chính thức ly thân từ năm 2011 đến nay, thời gian ly thân anh, chị không tạo điều kiện để hàn gắn, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, điều này phù hợp lời trình bày của bà Nguyễn Thị M (mẹ ruột của chị B), nên anh Đ yêu cầu ly hôn là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Anh, chị thống nhất có 01 đứa tên Nguyễn Thị Thúy Nh, sinh ngày 24/3/2003, hiện đang sống với chị B. Khi ly hôn anh Đ đồng giao cho chị B được tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng cháu Nh cũng muốn sống với chị B. HĐXX xét thấy việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền nghĩa vụ của mỗi bên đối với con chưa thành niên theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về quan hệ tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận anh Đ, chị Bí khai không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh Đ, chị B phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án khác.

[3]Về án phí: Anh Đ là người xin ly hôn, nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Chị B không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56 và Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 26, khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn Đ đối với chị Nguyễn Thị Ngọc B.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc B.

- Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Thúy Nh, sinh ngày 24/3/2003 cho chị B được nuôi dưỡng, anh Đ không cấp dưỡng cho con.

- Về quan hệ tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: không.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016668 ngày 28/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, chị Nguyễn Thị Ngọc B không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Riêng chị Nguyễn Thị Ngọc B có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sư, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Bùi Văn Chiến

Nơi nhận:
- VKSND huyện Phú Tân;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.